

QUY CÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Programme Specification)
(Năm học 2019 – 2020)

KỸ SƯ
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
(Bachelor of Land Management)

Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
(College of Environment and Natural Resources)

Tháng 12/2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**QUY CÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Năm học 2019 – 2020)**

KỸ SƯ NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Chương trình được sửa đổi lần cuối vào tháng 12 năm 2020 và kèm theo Quyết định số 2453/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH SÁCH BẢNG	vi
PHẦN 1: THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
PHẦN 2: MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI	2
2.1. Mục tiêu của chương trình	2
2.2. Kết quả học tập mong đợi	2
2.2.1.	22.2.2.
	32.2.3.
42.3. Mối quan hệ mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5
PHẦN 3: CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	6
3.1. Cấu trúc của chương trình	6
3.2. Chương trình đào tạo	6
3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	9
3.4. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	10
PHẦN 4: MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
4.1. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (QP006)	14
4.2. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (QP007)	14
4.3. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (QP008)	15
4.4. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (QP009)	15
4.5. Giáo dục thể chất 1+2+3 (TC100)	15
4.6. Anh văn căn bản 1 (XH023)	16
4.7. Anh văn căn bản 2 (XH024)	16
4.8. Anh văn căn bản 3 (XH025)	16
4.9. Anh văn tăng cường 1 (XH031)	17
4.10. Anh văn tăng cường 2 (XH032)	17
4.11. Anh văn tăng cường 3 (XH033)	18
4.12. Pháp văn căn bản 1 (FL001)	18
4.13. Pháp văn căn bản 2 (FL002)	19
4.14. Pháp văn căn bản 3 (FL003)	19
4.15. Pháp văn tăng cường 1 (FL007)	20
4.16. Pháp văn tăng cường 2 (FL008)	20

4.17. Pháp văn tăng cường 3 (FL009)	20
4.18. Tin học căn bản (TN033)	21
4.19. TT. Tin học căn bản (TN034)	21
4.20. Triết học Mác-Lênin (ML014)	21
4.21. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (ML016)	22
4.22. Chủ nghĩa xã hội khoa học (ML018)	22
4.23. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (ML019)	23
4.24. Tư tưởng Hồ Chí Minh (ML021)	23
4.25. Pháp luật đại cương (KL001)	24
4.26. Logic học đại cương (ML007)	24
4.27. Cơ sở văn hóa Việt Nam (XH011)	24
4.28. Tiếng Việt thực hành (XH012)	25
4.29. Văn bản và lưu trữ học đại cương (XH014)	25
4.30. Xã hội học đại cương (XH028)	26
4.31. Kỹ năng mềm (KN001)	26
4.32. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (KN002)	26
4.33. Đại số tuyến tính và hình học (TN012)	27
4.34. Xác suất thống kê (TN010)	27
4.35. Điện và quang đại cương (TN016)	27
4.36. Đại cương về Trái đất (SP075)	28
4.37. Trắc địa đại cương (MT155)	28
4.38. Địa chất đại cương (SP015)	29
4.39. Khí tượng Thủy văn (CN004)	29
4.40. Thổ nhưỡng A (NN230)	29
4.41. Đánh giá đất (NN508)	30
4.42. Viễn thám đại cương (NN288)	30
4.43. Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS) (MT266)	31
4.44. Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính (NN257)	31
4.45. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai (NN262)	32
4.46. Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT(MT418)	32
4.47. Đánh giá tác động Môi trường (MT342)	32
4.48. Luật đất đai (KL327)	33
4.49. Kỹ thuật bản đồ địa chính (NN243)	33
4.50. Nông nghiệp đô thị (MT157)	34

4.51. Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường (MT199)	34
4.52. Pháp văn chuyên môn khoa học và công nghệ (XH019)	35
4.53. Quy hoạch và phát triển nông thôn (NN255)	35
4.54. Quản lý Đô thị (MT158)	35
4.55. Quy hoạch phát triển vùng và đô thị (MT221)	36
4.56. Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai (NN176)	36
4.57. Đo đạc địa chính (NN248)	37
4.58. Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM (NN250)	37
4.59. Phát triển bền vững tài nguyên đất đai (MT222)	37
4.60. Quy hoạch sử dụng đất (MT419)	38
4.61. Phân hạng và định giá đất (NN259)	38
4.62. Quản lý và phân tích thị trường bất động sản (NN299)	39
4.63. Pháp luật về thanh tra đất đai (KL423)	39
4.64. Mô hình hóa trong quản lý đất đai (MT223)	39
4.65. Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị (MT224)	40
4.66. Viễn thám ứng dụng (NN298)	40
4.67. Kỹ năng chuyên ngành (MT225)	41
4.68. Quản lý nhà nước về đất đai (MT220)	41
4.69. Kinh tế tài nguyên đất đai (MT229)	41
4.70. Quản lý và giảm nhẹ thiên tai (MT228)	42
4.71. Rèn nghề - Quản lý đất đai (MT458)	42
4.72. Thực tập Chuyên ngành Quản lý đất đai (NN261)	43
4.73. Phong thủy (NN521)	43
4.74. Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai (MT240)	43
4.75. Thống kê địa lý (MT226)	44
4.76. Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất (MT231)	44
4.77. 77. Hệ thống canh tác (NN377)	44
4.78. Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai (MT262)	45
4.79. Kỹ thuật và ứng dụng UAV (MT406)	45
4.80. Báo cáo chuyên đề Quản lý đất đai (MT404)	46
4.81. Luận văn tốt nghiệp quản lý đất đai (MT503)	46
4.82. Tiểu luận tốt nghiệp Quản lý đất đai (MT453)	46
4.83. Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai (MT261)	47
4.84. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính (NN297)	47

4.85. Xử lý số liệu đo đạc (MT263)	47
4.86. Quản lý công trình xây dựng đô thị (MT264)	48
4.87. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính (MT265)	48
PHẦN 5: PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC - ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN	49
5.1. Đánh giá học phần	49
5.2. Điểm học phần	49
5.3. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung cả năm học và điểm trung bình chung tích lũy	49
5.4. Điểm rèn luyện	50
5.5. Xếp loại tốt nghiệp	51
PHẦN 6: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP	52
6.1. Thư viện	52
6.2. Ký túc xá	52
6.3 Môi trường tự nhiên - xã hội	52
6.3. Chăm sóc sức khỏe	52
6.4. Thể thao	53
6.5. Các hoạt động ngoại khóa	53
6.6. Hệ thống mạng Internet	53
PHẦN 7: KHẢ NĂNG HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP	54
7.1. Cơ hội nghề nghiệp	54
7.2. Cơ hội học tập tiếp tục	54

- DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
ELO	Expected Learning Outcomes (Kết quả học tập mong đợi)
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
MT&TNTN	Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
PO	Program Objectives (Mục tiêu của chương trình đào tạo)
QLĐĐ	Quản lý Đất đai
TTHL	Trung tâm học liệu
THPT	Trung học phổ thông

- DANH SÁCH BẢNG

Bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 3.1:	Khối lượng chương trình đào tạo	6
Bảng 5.1:	Hệ thống điểm học phần	52
Bảng 5.2:	Xếp loại học tập	53
Bảng 5.3:	Xếp loại điểm rèn luyện	54
Bảng 5.4:	Xếp loại tốt nghiệp	54

PHẦN 1: THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- **Cơ sở cấp bằng:** Trường Đại học Cần Thơ.
- **Đơn vị quản lý:** Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên.
- **Tên ngành:** Quản lý Đất đai.
- **Danh hiệu văn bằng:** Kỹ sư.
- **Hình thức đào tạo:** Đại trà, chính quy.
- **Thời gian đào tạo và số lượng tín chỉ:** 4,5 năm; 150 tín chỉ (Bắt buộc: 109 tín chỉ, tự chọn: 41 tín chỉ).
- **Tiêu chuẩn nhập học:** Việc xét tuyển vào chương trình Quản lý Đất (QLĐĐ) đai dựa trên điểm của một trong bốn khối thi A, A1, B và D1 với tổ hợp các môn thi lần lượt là: (i) Toán, Lý, Hóa; (ii) Toán, Vật lý, Tiếng Anh; (iii) Toán, Hóa và Sinh và (iv) D1 Toán, Hóa, Tiếng Anh. Phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) quốc gia hoặc dựa trên điểm học bạ THPT. Căn cứ vào kết quả của kỳ thi thống nhất quốc gia nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) công bố mức điểm tối thiểu cho từng khối thi; từ mức điểm tối thiểu, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) đưa ra điểm chuẩn cho từng ngành và nhận sinh viên vào các đợt nghiêm ngặt (mỗi đợt 20 ngày). Để thu hút nhiều thí sinh, một số thí sinh được cộng điểm ưu tiên theo khu vực hoặc được tuyển thẳng (như học sinh giỏi cấp quốc gia).
- **Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình:** Đã đạt kiểm định nội bộ năm 2018.

PHẦN 2: MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI

2.1. Mục tiêu của chương trình

Mục tiêu giáo dục của chương trình đào tạo: Đào tạo kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, có đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, kỹ năng tổ chức và làm việc chuyên nghiệp trong đội - nhóm, có trách nhiệm với xã hội.

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- **PO1:** Trang bị cho sinh viên về lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng và an ninh, hiểu về pháp luật; năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản và giáo dục thể chất; kiến thức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội theo quy định hiện hành;

- **PO2:** Trang bị cho sinh viên có đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên môn về kỹ thuật, khoa học và công nghệ liên quan đến quản lý đất đai.

- **PO3:** Trang bị cho sinh viên hệ thống hóa được các văn bản pháp quy quản lý Nhà nước về đất đai; hình thành và phát triển khả năng triển khai và thực hiện được việc đánh giá, phân tích, chất lượng đất đai; thiết kế được các tiêu chí trong đánh giá, định giá, quy hoạch phân bổ sử dụng đất đô thị và nông nghiệp;

- **PO4:** Rèn luyện cho sinh viên có khả năng tự học, học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, làm việc nhóm và tiếp thu các thành tựu khoa học-kỹ thuật mới nhằm tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với sự phát triển của xã hội.

2.2. Kết quả học tập mong đợi

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học sẽ đạt được:

2.2.1. Kiến thức

a. Kiến thức chung

- **PLO1:** Cho thấy hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có sức khỏe; kiến thức về giáo dục quốc phòng phục vụ yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- **PLO2:** Cho thấy kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;

- **PL03:** Cho thấy kiến thức cơ bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

b. Khối kiến thức cơ sở ngành

- **PL04:** Cho thấy kiến thức cơ bản về đất đai, chất lượng về điều kiện tự nhiên và môi trường đất đai;

- **PL05:** Cho thấy kiến thức cơ bản về pháp luật trong quản lý đất đai và quản lý đô thị trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai;

- **PL06:** Cho thấy kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, viết và trình bày báo cáo khoa học trong quản lý tài nguyên đất đai và Anh văn chuyên ngành;

- **PL07:** Cho thấy kiến thức về kỹ thuật-công nghệ trong quản lý đất đai.

c. Khối kiến thức chuyên ngành

- **PL08:** Nắm vững kiến thức về các trang thiết bị, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong việc xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo tài nguyên đất đai;

- **PL09:** Nắm vững kiến thức chuyên môn về kinh tế về đất, vận dụng công cụ pháp luật và quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

- **PL010:** Nắm vững kiến thức chuyên môn về quy hoạch, chiến lược phát triển, quản lý và khai thác nguồn tài nguyên đất đai;

- **PL011:** Nắm vững kiến thức chuyên môn thực tế kinh nghiệm từ các cơ quan địa phương về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đất đai.

2.2.2. Kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

- **PL012:** Vận hành được thiết bị kỹ thuật và quy trình trong công tác đo đạc và lập bản đồ chuyên ngành và chuyên đề; vận dụng sáng tạo các công nghệ tiên tiến phục vụ công tác xây dựng, quản lý, mô phỏng và dự báo nguồn tài nguyên đất đai;

- **PL013:** Vận dụng được các văn bản pháp luật của Nhà nước trong công tác đăng ký, cấp giấy; thống kê, kiểm kê chỉnh lý biến động đất đai; kinh tế về đất; giải quyết được tranh chấp đất đai; diễn giải được các nội dung trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai;

- **PL014:** Thực hiện được công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng được các dự báo trong quản lý và khai thác sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai; lựa chọn được chính sách phục vụ giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý đất đai có hiệu quả.

b. Kỹ năng mềm

- **PLO15:** Vận dụng được kiến thức chuyên môn vào công tác quản lý Nhà nước về đất đai; phát triển năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình tốt, kỹ năng quản lý và khởi nghiệp trong lĩnh vực đất đai, khả năng học tập suốt đời;

- **PLO16:** Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) theo quy định để giao tiếp thông dụng và đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu công tác trong thời kỳ hội nhập; sử dụng được công nghệ thông tin trong quản lý đất đai và các phương tiện hỗ trợ, phương tiện giao tiếp đa truyền thông khi làm việc với cộng đồng;

- **PLO17:** Tư duy theo hệ thống, tích cực và sáng tạo; phát triển năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo; thiết lập được công tác quản lý, điều hành và vận hành kỹ thuật.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **PLO18:** Thể hiện lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng; ý thức tổ chức kỷ luật; hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; xây dựng được ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng;

- **PLO19:** Thể hiện thái độ làm việc nghiêm túc, các quy định về đạo đức, trung thực, đúng đắn, khách quan trong nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, trong các thao tác kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế;

- **PLO20:** Thể hiện tinh thần cầu tiến, thói quen học tập suốt đời, không ngừng học tập nâng cao nghề nghiệp, xây dựng được mối quan hệ với đồng nghiệp và cộng đồng.

2.3.Mối quan hệ mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PO s	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1 0	1 1	1 2	1 3	1 4	1 5	1 6	1 7	1 8	1 9	2 0
1																				
2																				
3																				
4																				

PHẦN 3: CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Cấu trúc của chương trình

Thông tin chi tiết được thể hiện trong chương trình đào tạo CTĐT áp dụng từ Khóa 45 qua sơ đồ tuyển môn học.

Bảng 3.1: Khối lượng chương trình đào tạo

Các khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Số tín chỉ
1. Kiến thức đại cương	31	17	48
2. Kiến thức cơ sở ngành	33	02	35
3. Kiến thức chuyên ngành	45	22	67
Tổng cộng	109	41	150

3.2. Chương trình đào tạo

- Chuyên ngành: Quản lý Đất đai.
- Ngành: Quản lý Đất đai.
- Bằng cấp: Kỹ sư.
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm.
- Số tín chỉ tích lũy: 150.
- Mã ngành: 7850103.
- Hình thức đào tạo: chính quy.
- Đơn vị quản lý: Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I, II, III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I, II, III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I, II, III

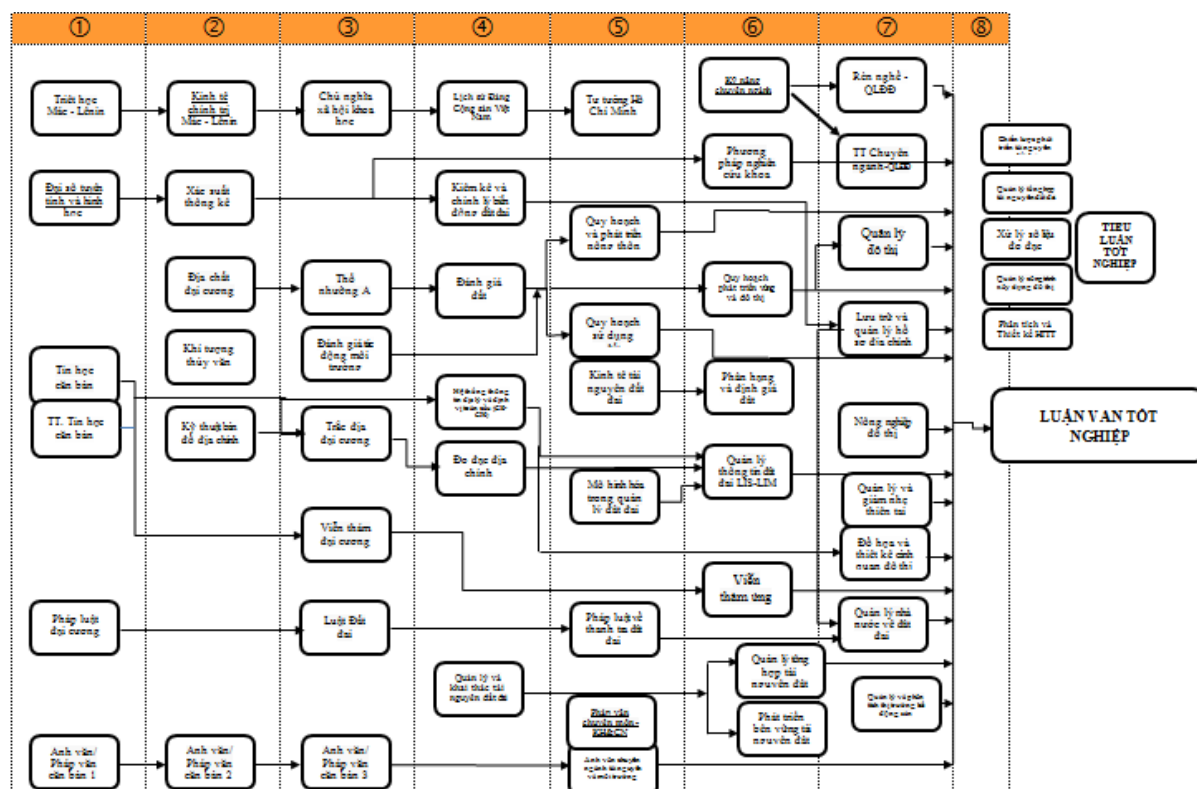
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I, II, III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I, II, III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I, II, III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I, II, III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I, II, III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I, II, III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I, II, III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I, II, III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I, II, III
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I, II, III
28	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I, II, III
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2		2	30				I, II, III
30	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I, II, III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I, II, III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
33	TN016	Điện và quang đại cương	2		2	30				I, II, III
34	SP075	Đại cương về trái đất	2			30				I, II, III
35	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60				I, II, III
36	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I, II, III
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 17 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
37	MT155	Trắc địa đại cương	3	3		30	30			I, II
38	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30			I, II
39	CN004	Khí tượng thủy văn	2	2		20	20			I, II
40	NN230	Thổ nhưỡng A	3	3		30	30	SP015		I, II
41	NN508	Đánh giá đất	2	2		15	30	NN230		I, II
42	NN288	Viễn thám đại cương	2	2		20	20			I, II
43	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)	3	3		30	30			I, II
44	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2		30				I, II
45	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	2		30				I, II
46	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT	2	2		15	30			I, II
47	MT342	Đánh giá tác động môi trường	2	2		30				I, II
48	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL001		I, II
49	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	3		30	30			I, II
50	MT157	Nông nghiệp đô thị	2	2		30				I, II
51	MT199	Anh văn chuyên ngành TN&MT	2		2	30				I, II, III
52	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		FL003		I, II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 02 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2	2		30		NN508		I, II
54	MT158	Quản lý đô thị	2	2		30				I, II
55	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị	2	2		20	20			I, II
56	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	2	2		30		NN230		I, II
57	NN248	Đo đạc địa chính	3	3		15	60	MT155		I, II
58	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM	3	3		15	60	NN243		I, II
59	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai	2	2		30				I, II
60	MT419	Quy hoạch sử dụng đất	3	3		30	30	NN508		I, II

61	NN259	Phân hạng và định giá đất	2	2		15	30	NN508		I, II
62	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản	3	3		30	30	NN259		I, II
63	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai	2	2		30		KL327		I, II
64	MT223	Mô hình hoá trong quản lý đất đai	2	2		20	20			I, II
65	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị	3	3		30	30			I, II
66	NN298	Viễn thám ứng dụng	2	2		15	30	NN288		I, II
67	MT225	Kỹ năng chuyên ngành	2	2		20	20			I, II
68	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2		30				I, II
69	MT458	Rèn nghề - QLĐĐ	2	2			60			III
70	NN261	TT. Chuyên ngành – QLĐĐ	2	2			60			III
71	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai	2			30				I, II
72	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai	2			30				I, II
73	NN521	Phong thủy	2			20	20			I, II
74	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai	2			20	20			I, II
75	MT226	Thống kê địa lý	2			15	30			I, II
76	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	2			20	20			I, II
77	NN377	Hệ thống canh tác	2			30				I, II
78	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai	2			30				I, II
79	MT406	Kỹ thuật và ứng dụng UAV	2			20	20			I, II
80	MT404	Báo cáo chuyên đề - QLĐĐ	2			30				I,II,III
81	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLĐĐ	14				420	≥ 120 TC		I, II
82	MT453	Tiểu luận tốt nghiệp - QLĐĐ	6				180	≥ 120 TC		I, II
83	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2			15	30			I, II
84	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai	2			30				I, II
85	MT263	Xử lý số liệu đo đạc	2			30		MT197		I, II
86	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị	2			30				I, II
87	MT265	Phân tích và Thiết kế HTTT địa chính	2			30		MT223		I, II
Cộng: 67 TC (Bắt buộc: 45 TC; Tự chọn: 22 TC)										
Tổng cộng: 150 TC (Bắt buộc: 109 TC; Tự chọn: 41 TC)										

(*) conditional courses, pass required but not included in GPA. Students must pass the exams of National Defence Education, Physical Education and English (or French) as specified by CTU. Students can complete the above courses by submitting certificates according to CTU's regulations or cumulative study.

- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 109 tín chỉ.
- Tổng số tín chỉ tự chọn: 41 tín chỉ.
- 14 tín chỉ tốt nghiệp được thiết kế thành 2 phần lựa chọn:
 - (1) Luận văn tốt nghiệp – QLĐĐ: 14 tín chỉ;
 - (2) Tiểu luận tốt nghiệp – QLĐĐ (6 tín chỉ) và các học phần (8 tín chỉ).

Sơ đồ tuyến môn học



3.3.Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Expected Learning Outcomes																			
	Knowledge Skills												Knowledge Skills						Attitude and Perception	
	Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm					
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19	PLO 20
PO1	x	x													x			x	x	
PO2		x					x	x		x	x	x					x		x	
PO3		x		x	x		x		x	x	x		x	x	x		x		x	
PO4			x			x		x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	

Note: x = Supporting

3.4. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra																	Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			Kiến thức											Kỹ năng									
			Khối kiến thức giáo dục đại cương			Khối kiến thức cơ sở ngành				Khối kiến thức chuyên ngành				Kỹ năng cứng			Kỹ năng mềm						
T	T	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																							
1		QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X														X			X		X
2		QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X														X			X		X
3		QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X														X			X		X
4		QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X														X			X		X
5		TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X														X			X		X
6		XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			X												X	X				X
7		XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			X												X	X				X
8		XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			X												X	X				X

9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			X											X	X				X
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			X											X	X				X
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			X											X	X				X
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			X											X	X				X
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			X											X	X				X
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			X											X	X				X
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			X											X	X				X
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			X											X	X				X
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			X											X	X				X
18	TN033	Tin học căn bản (*)		X												X	X			X	X
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		X												X	X			X	X
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	X													X		X	X		X

21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X													X		X	X		X
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X													X		X	X		X
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X													X		X	X		X
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X													X		X	X		X
25	KL001	Pháp luật đại cương		X										X		X		X	X		X
26	ML007	Logic học đại cương		X												X		X	X		X
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam		X												X		X	X		X
28	XH012	Tiếng Việt thực hành		X												X		X	X		X
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương		X												X		X	X		X
30	XH028	Xã hội học đại cương		X												X		X	X		X
31	KN001	Kỹ năng mềm		X												X		X	X		X
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		X												X		X	X		X

33	TN016	Điện và quang đại cương		x												x		x	x		x
34	SP075	Đại cương về trái đất		x												x		x	x		x
35	TN012	Đại số tuyến tính và hình học		x									x		x	x	x	x	x		x
36	TN010	Xác suất thống kê		x									x		x	x	x	x	x		x
Khối kiến thức cơ sở ngành																					
37	MT155	Trắc địa đại cương	x					x					x		x	x				x	x
38	SP015	Địa chất đại cương				x									x	x				x	x
39	CN004	Khí tượng thủy văn				x									x	x	x			x	
40	NN230	Thổ nhưỡng A				x									x	x		x		x	x
41	NN508	Đánh giá đất				x			x						x	x	x			x	x
42	NN288	Viễn thám đại cương						x					x			x	x	x		x	x
43	MT266	Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS)						x					x		x	x	x	x		x	x
44	NN257	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính					x							x		x				x	x

45	NN262	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai					X		X					X	X	X	X				X	X
46	MT418	Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT						X							X	X	X	X	X		X	X
47	MT342	Đánh giá tác động môi trường				X	X									X	X		X		X	X
48	KL327	Luật đất đai					X								X		X			X	X	
49	NN243	Kỹ thuật bản đồ địa chính							X					X	X		X	X			X	X
50	MT157	Nông nghiệp đô thị				X										X	X				X	X
51	MT199	Anh văn chuyên ngành TN&MT						X	X					X		X	X	X			X	X
52	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN						X	X					X			X	X			X	X
Khối kiến thức chuyên ngành																						
53	NN255	Quy hoạch và phát triển nông thôn									X	X				X	X		X	X	X	X
54	MT158	Quản lý đô thị									X				X	X	X		X		X	X
55	MT221	Quy hoạch phát triển vùng và đô thị									X				X	X	X		X		X	X
56	NN176	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai									X			X	X	X	X			X	X	X

57	NN248	Đo đạc địa chính							X				X			X	X	X		X	X
58	NN250	Quản lý thông tin đất đai LIS-LIM							X				X					X		X	
59	MT222	Phát triển bền vững tài nguyên đất đai							X		X				X	X		X		X	
60	MT419	Quy hoạch sử dụng đất							X		X	X	X		X	X		X		X	X
61	NN259	Phân hạng và định giá đất								X	X			X		X		X		X	
62	NN299	Quản lý và phân tích thị trường bất động sản								X				X				X	X		
63	KL423	Pháp luật về thanh tra đất đai								X				X		X			X	X	
64	MT223	Mô hình hoá trong quản lý đất đai							X		X		X		X	X		X		X	
65	MT224	Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị							X		X		X			X	X	X		X	X
66	NN298	Viễn thám ứng dụng							X				X			X	X			X	
67	MT225	Kỹ năng chuyên ngành							X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X
68	MT220	Quản lý nhà nước về đất đai								X		X		X		X		X	X	X	X

69	NN502	Rèn nghề - QLĐĐ											X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70	NN261	TT. Chuyên ngành – QLĐĐ											X	X	X	X	X		X		X	X
71	NN521	Phong thủy									X				X	X					X	X
72	MT240	Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai									X				X	X	X				X	X
73	MT226	Thống kê địa lý							X				X			X	X	X			X	
74	MT229	Kinh tế tài nguyên đất đai								X					X			X			X	X
75	MT228	Quản lý và giảm nhẹ thiên tai								X					X	X		X			X	X
76	MT231	Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất								X	X				X			X			X	X
77	NN377	Hệ thống canh tác									X				X	X		X			X	X
78	NN297	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính							X					X	X		X	X		X	X	
79	MT406	Kỹ thuật và ứng dụng UAV							X					X			X	X			X	
80	MT404	Báo cáo chuyên đề - QLĐĐ						X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

81	MT261	Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai										X		X		X	X		X		X	X
82	MT262	Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai										X		X		X	X		X		X	X
83	MT263	Xử lý số liệu đo đạc								X				X			X		X		X	
84	MT264	Quản lý công trình xây dựng đô thị									X					X	X		X		X	
85	MT265	Phân tích và Thiết kế HTTT địa chính								X				X			X		X		X	
86	MT453	Tiểu luận tốt nghiệp - QLĐĐ								X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
87	MT503	Luận văn tốt nghiệp - QLĐĐ								X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Note: x = Supporting

PHẦN 4: MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (QP006)

Số tín chỉ: 2.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

4.2. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (QP007)

Số tín chỉ: 2.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

4.3. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (QP008)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính quy, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống dịch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự.

4.4. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (QP009)

Số tín chỉ: 01.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản: thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

4.5. Giáo dục thể chất 1+2+3 (TC100)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung, tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất mà sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất, sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó, sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học. Ví dụ để hoàn thành học phần Taekwondo thì sinh viên đăng

ký 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004) và Taekwondo 3 (TC019). Các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...

4.6. Anh văn căn bản 1 (XH023)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.7. Anh văn căn bản 2 (XH024)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: XH023.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.8. Anh văn căn bản 3 (XH025)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: XH024.

- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.9. Anh văn tăng cường 1 (XH031)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: XH025.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.10. Anh văn tăng cường 2 (XH032)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: XH031.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.11. Anh văn tăng cường 3 (XH033)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: XH032.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).

4.12. Pháp văn căn bản 1 (FL001)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại và viết một số câu đơn giản.

4.13. Pháp văn căn bản 2 (FL002)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL001.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.

4.14. Pháp văn căn bản 3 (FL003)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL002.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ,... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư... Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp

các thì ở thời quá khứ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.

4.15. Pháp văn tăng cường 1 (FL007)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL003.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình, làm quen với một người, kể lại những hoạt động thường ngày, miêu tả người, nơi ở, so sánh về số lượng hoặc chất lượng... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.

4.16. Pháp văn tăng cường 2 (FL008)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL007.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.

4.17. Pháp văn tăng cường 3 (FL009)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL008.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn

đạt quan điểm khi nói, nói về những kỷ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.

4.18. Tin học căn bản (TN033)

Số tín chỉ: 01.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, sử dụng Internet và E-mail.

4.19. TT. Tin học căn bản (TN034)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: TN033.

Mô tả tóm tắt học phần:

Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.

4.20. Triết học Mác-Lênin (ML014)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác-Lênin bao gồm: triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

4.21. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (ML016)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ML014.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác-Lênin bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

4.22. Chủ nghĩa xã hội khoa học (ML018)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ML016.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4.23. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (ML019)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ML018.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.24. Tư tưởng Hồ Chí Minh (ML021)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ML019.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.

4.25. Pháp luật đại cương (KL001)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...

4.26. Logic học đại cương (ML007)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức; cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: quy luật đồng nhất; quy luật phi mâu thuẫn; quy luật gạt bỏ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được tiếp cận những hình thức cơ bản của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, giả thuyết, chứng minh, bác bỏ và ngụy biện.

4.27. Cơ sở văn hóa Việt Nam (XH011)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.

4.28. Tiếng Việt thực hành (XH012)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả; Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ; tương tự, nội dung Chương 3 rèn luyện kỹ năng về câu; Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.

4.29. Văn bản và lưu trữ học đại cương (XH014)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học Văn bản và Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.

4.30. Xã hội học đại cương (XH028)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

4.31. Kỹ năng mềm (KN001)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.

4.32. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (KN002)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro, thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội

được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

4.33. Đại số tuyến tính và hình học (TN012)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức toán học cơ bản về đại số tuyến tính như: hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, không gian véc-tơ, ánh xạ tuyến tính, giá trị riêng, véc-tơ riêng, dạng toàn phương và kiến thức cơ bản về đường bậc hai trong mặt phẳng, mặt bậc hai trong không gian cho bởi phương trình chính tắc để sinh viên có cơ sở học tiếp các học phần toán học khác và các học phần chuyên ngành sau này. Ngoài trang bị các vấn đề về lý thuyết, học phần cũng cung cấp một hệ thống các bài tập đa dạng, sắp xếp từ dễ đến khó và các bài tập nâng cao nhằm nâng cao khả năng tư duy của sinh viên.

4.34. Xác xuất thống kê (TN010)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác xuất thống kê. Sinh viên có kỹ năng giải quyết các bài toán xác xuất thống kê cơ bản, vận dụng kiến thức vào trong thực tiễn. Giúp sinh viên hệ thống hoá những khái niệm quan trọng liên quan thực tế nghiên cứu mà còn mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa thử nghiệm và suy luận thống kê. Sinh viên vận dụng thống kê trong xử lý và trình bày kết quả phân tích dữ liệu một cách hợp lý, khoa học, có tính chính xác và thuyết phục cao.

4.35. Điện và quang đại cương (TN016)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần gồm 10 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành điện trường, từ trường, giao thoa, nhiễu xạ...; các định luật cơ bản và đại lượng đặc trưng trong điện, từ và quang học song; đặc tính của vật dẫn, điện môi, vật liệu từ và ánh sáng trong môi trường. Qua đó sinh viên có khả năng hiểu và giải thích được các hiện tượng trong tự nhiên liên quan, nguyên tắc cấu tạo và vận hành thiết bị điện, từ và quang. Ngoài ra, học phần là một trong những nội dung cơ bản giúp sinh viên chuyên ngành kỹ thuật học tập tốt những học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

4.36. Đại cương về Trái đất (SP075)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đại cương về Trái đất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vũ trụ (quan niệm vũ trụ, một số thuyết về vũ trụ, các mô hình vũ trụ, sự hình thành các thiên hà, các giả thuyết nguồn gốc hệ mặt trời và trái đất...); hệ mặt trời (đặc điểm chung của hệ, các thiên thể trong hệ mặt trời); trái đất (quá trình nhận thức về hình dạng của trái đất và ý nghĩa về mặt địa lý và địa vật lý về hình dạng và kích thước của trái đất, cấu trúc và trạng thái và kích thước của trái đất, cấu trúc và trạng thái vật chất bên trong trái đất, một số đặc điểm của trái đất, các vận động của trái đất-vận động tự quay, vận động quanh mặt trời, vận động của hệ thống trái đất-mặt trăng và hệ quả của các vận động) và lớp vỏ địa lý của trái đất (các lớp vỏ bộ phận, những quy luật đang tồn tại và chi phối các lớp vỏ, môi trường địa lý và ảnh hưởng của môi trường địa lý tới đời sống xã hội và các dạng tài nguyên trong môi trường địa lý).

4.37. Trắc địa đại cương (MT155)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trắc địa là môn khoa học về đo đạc mặt đất để xác định hình dáng, kích thước trái đất, biểu diễn mặt đất thành bản đồ, đo đạc bố trí các công trình. Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về trái đất, hệ tọa độ, độ cao. Các phương pháp đo đạc, cách thức thiết kế khu đo, cách xử lý tính toán giá trị đo đạc thực địa.

4.38. Địa chất đại cương (SP015)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Địa chất đại cương sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo của trái đất, cấu tạo vỏ trái đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng, từ đó sinh viên có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá tinh khoáng.

4.39. Khí tượng Thủy văn (CN004)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về khí tượng, khí hậu học, biến đổi khí hậu toàn cầu và khả năng cải tạo lại khí hậu; đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy (mặt và ngầm); phân tích các yếu tố khí tượng tác động đến chế độ thủy văn; đặc tính thủy văn vùng ảnh hưởng thủy triều (vùng nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu Long).

4.40. Thổ nhưỡng A (NN230)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Điều kiện song hành: SP015.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần được biên soạn với các nội dung liên quan đến nguồn gốc hình thành đất, các thành phần cấu tạo đất những tính chất vật lý đất cơ bản nhưng quan trọng và ảnh hưởng đến độ phì nhiêu đất đai như: dung trọng, tỷ trọng và các dạng nước ở trong đất. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hóa học đất bao gồm những đặc tính hóa học đất cơ bản và các tiến trình hóa học xảy ra trong đất. Học phần cũng cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến phân loại và khảo sát lập bản đồ đất. Nội dung của học phần cũng chú trọng đến thực tập thực tế của sinh viên, trang bị cho sinh viên khả năng tự phân tích và đánh giá các chỉ tiêu lý, hóa đất cơ bản cũng như nhận diện được một hình thái phẫu diện đất, trong đó tập trung nhận diện tầng phèn và tầng sinh phèn-đây là hai tầng đất gây trở ngại chính cho canh tác nông nghiệp ở ĐBSCL.

4.41. Đánh giá đất (NN508)

Số tín chỉ: 02:

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN230.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và biết làm thế nào ứng dụng quy trình xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.

4.42. Viễn thám đại cương (NN288)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần.

Học phần Viễn thám đại cương bao gồm các nội dung: lịch sử phát triển của khoa học viễn thám và các hệ thống viễn thám phổ biến trên thế giới; nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý, cách thức thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám;

các vấn đề chung về bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; các khái niệm chung về ảnh hàng không, nguyên lý chụp ảnh hàng không. Song song đó, sinh viên được trang bị các khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám, cơ sở giải đoán ảnh viễn thám, các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám và quy trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai bằng tư liệu ảnh viễn thám.

4.43. Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu (GIS-GPS) (MT266)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS), kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian; quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS thông dụng. Đồng thời, học phần còn giới thiệu một số ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, quản lý đất đai.

4.44. Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính (NN257)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung khái quát về công tác lưu trữ, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của tài liệu lưu trữ, phong lưu trữ và công tác lưu trữ, phương pháp lập hồ sơ lưu trữ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn chuyên sâu kiến thức về văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và đo đạc bản đồ, công tác lưu trữ tài liệu địa chính, công tác bảo quản tài liệu lưu trữ địa chính.

4.45. Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai (NN262)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp các vấn đề chung về đăng ký đất đai và đăng ký biến động; khái quát về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; các vấn đề về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Việt Nam; những vấn đề chung về thống kê, kiểm kê đất đai; quy phạm thành lập bản đồ và các phần mềm sử dụng trong thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; thực hiện bài tập khái quát về quy trình thực hiện thống kê, kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; khái quát về biến động đất đai và nghiên cứu biến động đất đai trong công tác quản lý sử dụng đất.

4.46. Phương pháp nghiên cứu khoa học TN&MT(MT418)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

Điều kiện tiên quyết: không.

Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khoa học, nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, cách chọn mẫu, cách đo đạc và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng.

4.47. Đánh giá tác động Môi trường (MT342)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đánh giá tác động môi trường bao gồm 03 phần chính. Phần 1: Cơ sở khoa học của việc đánh giá tác động môi trường: giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường; bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường. Phần 2: Nội dung quản lý môi trường: cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản lý môi trường, cơ sở pháp luật và những hoạt động hiện nay của nhà nước trong công tác quản lý môi trường. Phần 3: Phương pháp đánh giá tác động môi trường: giới thiệu cho sinh viên các dạng dự án, phương pháp viết báo cáo đánh giá tác động môi trường, các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.48. Luật đất đai (KL327)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: KL001.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung chính của học phần tập trung vào công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và chế độ sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Kiến thức nền cần được truyền đạt trước khi nghiên cứu về hai nội dung chính là lý luận chung về pháp luật đất đai (cụ thể như tầm quan trọng của đất đai, vấn đề sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai và lịch sử phát triển pháp luật đất đai qua các thời kỳ). Nội dung quản lý nhà nước về đất đai sẽ làm rõ tổ chức hệ thống cơ quan quản lý đất đai và vai trò của từng cơ quan; truyền đạt và phân tích quy định về hoạt động quy hoạch sử dụng đất, phân phối đất đai... Nội dung chế độ sử dụng đất sẽ làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Cuối cùng là pháp luật về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai.

4.49. Kỹ thuật bản đồ địa chính (NN243)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần tập trung vào các nội dung liên quan đến thành lập các loại bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai bao gồm: bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất... Để thực hiện điều đó, các bài học lý thuyết sẽ cung cấp kiến thức về thiết lập các hệ quy chiếu dùng làm cơ sở để thành lập bản đồ, các quy định và nội dung của các loại bản đồ.

Phần thực tập hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng, thao tác để xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất tổ hợp từ bản đồ địa chính trên phần mềm chuyên dụng.

4.50. Nông nghiệp đô thị (MT157)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sẽ truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nông nghiệp đô thị, các khái niệm về nông nghiệp đô thị, vai trò, lợi ích, các tính chất của nông nghiệp đô thị; mối quan hệ giữa cư dân đô thị và nông nghiệp đô thị ven đô trên thế giới; nông dân đô thị bền vững; nông nghiệp đô thị ở Đồng bằng sông Cửu Long; nhằm nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp tại chỗ, đáp ứng sự hài hòa với thiên nhiên trong xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay.

4.51. Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường (MT199)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về tài nguyên và môi trường; giúp sinh viên hiểu biết các thuật ngữ chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành; tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành.

4.52. Pháp văn chuyên môn khoa học và công nghệ (XH019)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: FL003.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học công nghệ, như giới thiệu bản thân (tên tuổi, nghề nghiệp, đào tạo...), giới thiệu các hoạt động khoa học kỹ thuật, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, trao đổi thư từ chuyên môn... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành kỹ thuật. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.

4.53. Quy hoạch và phát triển nông thôn (NN255)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN508.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp trang bị kiến thức cơ bản về quy hoạch và phát triển nông thôn (khái niệm về sự nghèo đói, thế nào là kém phát triển...); nắm được kiến thức cơ sở về sự phân hóa trong nông thôn, nguyên nhân và tình trạng nghèo đói ở nông thôn từ đó sinh viên có thể hiểu được các phương pháp phát triển nông thôn. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp kiến thức các vấn đề liên quan đến xây dựng và quản lý dự án trong quy hoạch và phát triển nông thôn. Đây là kiến thức cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng làm việc tại các cơ quan chức năng địa phương.

4.54. Quản lý Đô thị (MT158)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Đô thị đóng vai trò là hạt nhân trong các loại hoạt động và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của một quốc gia. Đô thị hóa với tốc độ ngày nay càng cao là xu thế

chung tất yếu của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Do đó, vấn đề quản lý và phát triển đô thị là cần thiết và mang tính chất quyết định cho sự phát triển của mỗi đô thị và mang lưới đô thị của quốc gia và thế giới. Quản lý đô thị mang tính chất là một ngành khoa học tổng hợp với sự tham gia của nhiều ngành và nhiều cấp khác nhau và tuân theo quy luật phát triển khách quan. Để quản lý đô thị được hiệu quả, cần có sự phối hợp của tất cả các thành phần trong hệ thống đô thị trong việc nhận diện các vấn đề, phân tích và giải quyết chung theo quy luật của vận động. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và phát triển đô thị, những lĩnh vực trọng tâm được xem như nền tảng của phát triển đô thị.

4.55. Quy hoạch phát triển vùng và đô thị (MT221)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về việc phân tích chiến lược và phát triển kinh tế-xã hội, phân bố dân cư và lao động, cải tạo và phát triển mạng lưới cư dân, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường để làm cơ sở quy hoạch xây dựng phát triển các điểm dân cư, đặc biệt là đô thị trong phạm vi toàn quốc hay trong các vùng lãnh thổ địa phương. Đồng thời cung cấp những nội dung cơ bản có tính chất nguyên lý trong thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị. Những quy định chi tiết liên quan đến tạo cảnh quan không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị nhằm giúp người học nắm vững những quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.

4.56. Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai (NN176)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN230.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai, tình hình khai thác, sử dụng đất; khai thác các nguồn tài nguyên đất đai và các biện pháp cải tạo, bảo vệ nguồn tài nguyên; nhằm nâng cao kiến thức về khai thác và quản lý, đáp ứng sự phát triển kinh tế và giữ được nguồn lợi tự nhiên của đất nước.

4.57. Đo đạc địa chính (NN248)

Số tín chỉ: 04.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: MT155.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp cho sinh viên hiểu được nguyên lý cấu tạo các máy đo góc, đo khoảng cách, đo độ cao và phương pháp đo ngắm, xử lý kết quả đo; các vấn đề thành lập lưới khống chế tọa độ mặt phẳng và độ cao phục vụ đo vẽ bản đồ địa chính; các phương pháp đo vẽ thành lập bản đồ địa chính và ứng dụng trong quản lý đất đai. Hoàn thành học phần, sinh viên sẽ nắm vững phương pháp lập lưới khống chế đo vẽ, lập đường chuyền kinh-vĩ và ứng dụng trong đo đạc lập bản đồ địa chính.

4.58. Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM (NN250)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN243.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học giúp người học thuộc chuyên ngành quản lý đất đai hiểu và xây dựng được hệ thống quản lý thông tin đất đai, các cấu trúc cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất. Giới thiệu những đối tượng liên quan đến công tác quản lý đất đai, những phương pháp và kỹ thuật hiện đại được áp dụng trong xây dựng và quản lý thông tin đất đai. Đây là cơ sở dữ liệu hỗ trợ quốc gia, cơ quan địa chính các cấp, các ngành liên quan... có nhu cầu quản lý, truy vấn thông tin về đất đai giúp chọn lựa những kỹ thuật và quản lý.

4.59. Phát triển bền vững tài nguyên đất đai (MT222)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp các vấn đề về sử dụng đất đai trên thế giới; đất đai và nguồn tài nguyên đất đai; phân vùng, lĩnh vực và phát triển bền vững tài nguyên đất đai; các phương pháp/công cụ trong đánh giá sử dụng bền vững tài nguyên đất đai; ứng dụng toán tối ưu trong quy hoạch sử dụng bền vững đất đai.

4.60. Quy hoạch sử dụng đất (MT419)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN508.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Với những áp lực và hiện trạng sử dụng đất đai như hiện nay cho thấy nguồn tài nguyên đất đai ngày càng khan hiếm và có giới hạn. Do đó, đòi hỏi phải có sự đối chiếu hợp lý giữa các kiểu sử dụng đất đai và loại đất đai để đạt được khả năng tối đa về sản lượng ổn định và an toàn lương thực, đồng thời cũng giúp bảo vệ được môi trường sinh thái và môi trường đang sống. Quy hoạch sử dụng đất đai là nền tảng trong tiến trình này. Quy hoạch sử dụng đất đai là yếu tố chính trong tất cả yêu cầu phát triển và bảo vệ các vùng đất nông nghiệp. Nội dung của môn học đi từ tổng quát đến chi tiết giúp người học nắm được các vấn đề cơ bản của quy hoạch sử dụng đất đai, các hướng dẫn về sử dụng đất đai và quy hoạch, văn bản pháp luật có liên quan và các hệ thống hỗ trợ trong quy hoạch sử dụng đất đai.

4.61. Phân hạng và định giá đất (NN259)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN508.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học cung cấp kiến thức về phân hạng và định giá đất, giúp sinh viên hiểu được sự tác động của các yếu tố tự nhiên và xã hội đến việc hình thành giá trị và giá trị sử dụng đất đai, từ đó hình thành nên giá đất. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp kiến thức các phương pháp phân hạng đất đai dựa vào các yếu tố tự nhiên có tác động đến việc sử dụng đất đai; các yếu tố xã hội, thông qua sự đáp ứng cơ sở hạ tầng làm tăng giá trị cho việc thực hành trên cơ sở thực tế đất ở đô thị; quan sát đánh giá và nghi nhận các điều kiện tác động đến hạng và giá đất. Đây là kiến thức

cơ bản giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng công tác trên lĩnh vực quản lý đất đai tại các cơ quan chuyên môn các cấp.

4.62. Quản lý và phân tích thị trường bất động sản (NN299)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN259.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường bất động sản được hình thành và ngày càng phát triển. Thị trường bất động sản đã trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống các loại thị trường của nền kinh tế quốc gia, nó có những đóng góp đáng kể vào việc ổn định xã hội và thúc đẩy nền kinh tế đất nước. Môn học nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản: thực trạng thị trường bất động sản Việt Nam và một số nước trên thế giới; định giá, đăng ký, thông tin và kinh doanh bất động sản; những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.

4.63. Pháp luật về thanh tra đất đai (KL423)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: KL327.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về thanh tra như: khái niệm, hình thức, nguyên tắc hoạt động thanh tra; lịch sử ngành thanh tra; cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của hệ thống thanh tra chuyên ngành đất đai, thanh tra viên, trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành một cuộc thanh tra cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra.

4.64. Mô hình hóa trong quản lý đất đai (MT223)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung của học phần được phân thành hai phần lý thuyết và thực tập. Phần lý thuyết gồm các nội dung cơ bản về mô hình hóa: tiến trình vận hành mô hình; phương pháp lập mô hình đa tác tử; phương pháp hiệu chỉnh các thông số; phương pháp kiểm định kết quả và ứng dụng mô hình hóa trong dự báo các yếu tố về dân số, sử dụng đất phục vụ công tác quản lý đất đai. Phần thực tập gồm bốn bài thực tập được thiết kế để hướng dẫn sinh viên từng bước xây dựng một mô hình trong lĩnh vực tài nguyên đất đai bằng phần mềm GAMA với bốn nội dung chính: xây dựng một mô hình đa tác tử, kết xuất kết quả mô phỏng dạng đồ họa và biểu đồ, cân chỉnh tham số và kiểm định mô hình, xây dựng các kịch bản dự báo ứng dụng trong quản lý đất đai.

4.65. Đồ họa và thiết kế cảnh quan đô thị (MT224)

Số tín chỉ: 03.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm, các loại hình kiến trúc cảnh quan, các khuynh hướng phát triển nghệ thuật thiết kế cảnh quan đô thị; các nguyên tắc đồ họa, thiết kế cảnh quan đô thị; các kiến thức về đặc điểm tự nhiên và xã hội tác động đến việc thiết kế cảnh quan; mối quan hệ giữa không gian cảnh quan với không gian đô thị; các thông số kỹ thuật cơ bản trong thiết kế công trình, cây xanh đô thị, kiến thức về các phần mềm đồ họa, thiết kế bản vẽ dạng 2D, 3D.

4.66. Viễn thám ứng dụng (NN298)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: NN288.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý cơ bản của viễn thám: cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận, đặc điểm ảnh của vệ tinh, đặc điểm các hệ thống viễn thám; hệ thống chụp ảnh thụ động và chủ động; quy trình phân tích và xử lý ảnh viễn thám. Thông qua đó giúp sinh viên nâng cao khả năng ứng dụng và khai thác các dữ liệu viễn thám vào giải quyết công việc cụ thể, ứng dụng trong những lĩnh vực của ngành quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên.

4.67. Kỹ năng chuyên ngành (MT225)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần được thiết kế và xây dựng dựa vào các nội dung tương ứng với điều kiện thực tế ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp của ngành quản lý đất đai như cấu trúc, hình thức hoạt động của các cơ quan trong ngành, các kỹ năng trong giao tiếp, tổ chức, giải quyết xử lý các tình huống chuyên môn. Nội dung được tổ chức dạng các chuyên đề hợp với phương pháp giảng dạy mới, chú trọng vào các tình huống trong thực tế.

4.68. Quản lý nhà nước về đất đai (MT220)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần.

Học phần cung cấp kiến thức về các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, sinh viên cũng sẽ được làm rõ về cách thức tổ chức bộ máy quản lý của ngành Quản lý Đất đai ở Việt Nam.

4.69. Kinh tế tài nguyên đất đai (MT229)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Tài nguyên thiên nhiên bao gồm hai loại chính là tài nguyên có thể tái tạo được và tài nguyên không thể tái tạo được. Cả hai loại tài nguyên này đều có thể bị cạn kiệt trong tương lai nếu con người không quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả và bền vững chúng. Kinh tế tài nguyên đất đai là một dạng tài nguyên có thể tái tạo được và cũng nằm chung quy luật này. Kinh tế tài nguyên đất đai là học phần có sự gắn kết giữa những vấn đề lý luận trong kinh tế và các vấn đề kỹ thuật liên

quan đến sử dụng đất. Việc vận dụng các quy luật kinh tế trong nghiên cứu nguồn lực vô cùng cần thiết. Học phần này giúp trang bị những kiến thức cơ bản giúp các nhà quản lý có thể đưa ra các ứng xử hợp lý trong việc sử dụng nguồn lực trên cơ sở thực tế của mình và giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các chính sách quản lý phù hợp khuyến khích người dân nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai.

4.70. Quản lý và giảm nhẹ thiên tai (MT228)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Thiên tai và quản lý rủi ro là học phần xuất phát từ quá trình phát triển kinh tế-xã hội trên quy mô toàn cầu. Việc tăng lượng khí thải nhà kính dẫn đến hiện tượng ấm lên toàn cầu, nước biển dâng... đưa đến các hiện tượng thời tiết cực đoan ở phạm vi khu vực như lũ lụt, hạn hán, bão, nhiệt độ tăng và mưa trái mùa... từ đó gây ra các thiệt hại nặng nề cho môi trường và các hệ sinh thái. Học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội tham gia, phân tích các tác động của thiên tai và đề xuất giải pháp quản lý rủi ro ở địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, công tác phòng chống và ứng phó với bão lũ ở một số vùng miền trên cả nước.

4.71. Rèn nghề - Quản lý đất đai (MT458)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sẽ truyền đạt cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ cần có trước khi tốt nghiệp để thuận lợi hơn khi bắt đầu làm việc thực tế ở các cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai.

4.72. Thực tập Chuyên ngành Quản lý đất đai (NN261)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần truyền đạt cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ ở những cơ quan chuyên môn khác nhau, tùy theo đặc thù cơ chế quản lý của từng địa phương, sinh viên sẽ có kiến thức rộng về cách thức vận dụng chuyên môn đã học vào thực tế một cách khéo léo, phù hợp. Học phần giúp sinh viên có nhiều thuận lợi hơn khi bắt đầu làm việc ở các cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai.

4.73. Phong thủy (NN521)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên được giới thiệu khái quát về phong thủy, các kiến thức cơ bản của phong thủy, cơ sở của học thuyết phong thủy, các trường phái trong phong thủy, pháp khí trong phong thủy, các ứng dụng của phong thủy hiện nay như phong thủy trong thiết kế cảnh quan, nội thất... Nội dung học phần còn được thiết kế thành các bài tập ứng dụng giúp sinh viên vận dụng tốt kiến thức phong thủy vào hoàn cảnh cụ thể.

4.74. Phương pháp điều tra thông tin tài nguyên đất đai (MT240)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các phương pháp thu thập thông tin tài nguyên đất đai, cách chọn mẫu nghiên cứu, thiết kế bảng câu hỏi và cách xử lý thông tin được thu thập.

4.75. Thống kê địa lý (MT226)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Bên cạnh việc giới thiệu chung về học phần, nguồn tài liệu tham khảo, phân chia nhóm học tập, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự quan hệ và biến động không gian, thời gian; các đặc tính đất đai cũng như các phương pháp đánh giá, nội suy không trên cơ sở sử dụng các phần mềm chuyên ngành.

4.76. Phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất (MT231)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Thay đổi sử dụng đất xảy ra do nhiều nguyên nhân, có thể là do quy hoạch sử dụng đất của Chính phủ, do chi phối của thị trường hay do biến đổi khí hậu... Việc thay đổi sử dụng đất dưới bất cứ hình thức nào cũng tác động lớn đến sinh kế nông hộ. Để ứng phó với tình huống mới và hạn chế những tổn thương cho nông hộ thì cần thiết phải dựa vào nguồn lực sẵn có của họ để phát triển. Khung sinh kế bền vững trình bày những tác nhân chính ảnh hưởng đến sinh kế của con người và mối quan hệ giữa các nhân tố đó, nó có thể được sử dụng cho các hoạt động thực tiễn. Khung sinh kế lấy con người làm trung tâm, nó không vận hành như một đường thẳng và cũng không hàm ý trình bày một hình thức. Học phần nhằm mục đích giúp sinh viên tham gia tranh luận về những yếu tố ảnh hưởng sinh kế, tầm quan trọng và tương tác nhau... điều này giúp tìm ra những điểm thích hợp để hỗ trợ sinh kế.

4.77. 77. Hệ thống canh tác (NN377)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung của học phần bao gồm các nội dung liên quan đến lĩnh vực cây trồng, chăn nuôi và thủy sản; đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của một vùng. Nội dung học phần gồm sáu chương: khái niệm về hệ thống canh tác; yêu cầu của hệ thống canh tác; khảo sát đặc điểm vùng nghiên cứu; đánh giá thích nghi, trở ngại và đề xuất giải pháp; giải pháp kỹ thuật của hệ thống canh tác; đưa ra sản xuất.

4.78. Quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai (MT262)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về tài nguyên đất đai, tình hình sử dụng đất, công cụ quản lý tài nguyên đất đai nhằm nâng cao kiến thức về quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai.

4.79. Kỹ thuật và ứng dụng UAV (MT406)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về hệ thống máy bay không người lái; quy trình thiết kế bay chụp, tính toán độ cao máy bay, số đường bay, số ảnh chụp và tổng thời gian bay chụp. Sinh viên sẽ được giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các phần mềm mã nguồn mở và phần mềm thương mại phục vụ cho công tác xử lý, thu nhận ảnh; công tác thiết kế điểm khống chế mặt đất phục vụ cho công tác bay chụp. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực nghiệm bay chụp với máy bay trang bị máy ảnh ba kênh RGB; xây dựng bản đồ mô hình số bề mặt và bản đồ trực ảnh bằng dữ liệu UAV; ứng dụng UAV trong theo dõi nông nghiệp và quản lý đất đai.

4.80. Báo cáo chuyên đề Quản lý đất đai (MT404)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức và giới thiệu bản chất logic của nghiên cứu khoa học và các giả thuyết khoa học; phương pháp xây dựng cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập và hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài; cách viết một đoạn văn khoa học và chuẩn bị file báo cáo và kỹ năng thuyết trình.

4.81. Luận văn tốt nghiệp quản lý đất đai (MT503)

Số tín chỉ: 14.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ≥ 120 tín chỉ.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần

Luận văn tốt nghiệp ngành quản lý đất đai giúp sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học chuyên sâu về lĩnh vực quản lý đất đai thông qua việc làm đề cương, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày một báo cáo khoa học.

4.82. Tiểu luận tốt nghiệp Quản lý đất đai (MT453)

Số tín chỉ: 06.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: ≥ 120 TC.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp người học tự ôn lại các kiến thức cơ bản chuyên ngành quản lý đất đai, vận dụng kiến thức vào việc xử lý công việc thực tế tại đơn vị thực tập; nắm bắt cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị quản lý nhà nước về đất đai.

4.83. Chiến lược phát triển tài nguyên đất đai (MT261)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về đất đai và nguồn tài nguyên đất đai, tình hình sử dụng đất đai ở Việt Nam và trên thế giới; phân vùng, lĩnh vực và phát triển bền vững tài nguyên đất đai; các phương pháp công cụ quản lý tài nguyên đất đai nhằm nâng cao kiến thức về quản lý và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên đất đai; ứng dụng toán tối ưu trong quy hoạch sử dụng bền vững đất đai.

4.84. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính (NN297)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung của học phần được chia làm hai phần: lý thuyết và thực hành gồm các nội dung về tổ chức dữ liệu và quản lý người dùng trên hệ quản trị CQL Server; phương pháp tổ chức cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính trên SQL Server; khai thác cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính; quản lý và cấp giấy chứng nhận đăng ký đất đai trên phần mềm ViLIS qua mạng máy tính. Phần thực hành gồm năm bài và ba nội dung chính: xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và người dùng trên SQL Server; cài đặt, thiết lập cấu hình cho phần mềm quản lý hồ sơ địa lý ViLIS; khai thác nâng cao cơ sở dữ liệu địa chính bằng các công cụ quản lý dữ liệu trực tiếp.

4.85. Xử lý số liệu đo đạc (MT263)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: MT197.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết sai số ngẫu nhiên, các khái niệm về mô hình hàm số và các mô hình ngẫu nhiên của bình sai trắc địa; nghiên

cứu các phương pháp bình sai trắc địa, đặt cơ sở tốt cho việc học tập và nghiên cứu bình sai lưới trắc địa.

4.86. Quản lý công trình xây dựng đô thị (MT264)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: không.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Quản lý công trình xây dựng đô thị có nội dung cơ bản về cách thức quản lý dự án xây dựng và kiểm tra chất lượng của dự án; nhận biết được các dự án và công việc của từng giai đoạn đó. Song song đó, sinh viên còn được tìm hiểu các văn bản pháp luật quy định về đầu tư xây dựng các công trình xây dựng. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên một số phương pháp tác động vào dự án trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đề ra.

4.87. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính (MT265)

Số tín chỉ: 02.

Điều kiện tham gia học phần:

- Điều kiện tiên quyết: MT223.
- Điều kiện song hành: không.

Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Phân tích thiết kế hệ thống thông tin giúp sinh viên biết cách tiếp cận để tìm hiểu và xây dựng một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. Các kiến thức này bổ sung cho các học phần sử dụng dữ liệu như Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ thống thông tin đất đai, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính. Nội dung của học phần được phân thành hai phần: lý thuyết và bài tập. Phần lý thuyết gồm các nội dung liên quan về khái niệm và mô tả hệ thống thông tin địa chính, cách điều tra thu thập dữ liệu cho hệ thống thông tin địa chính; phương pháp phân tích hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo mô hình Thực thể- Kết hợp; phương pháp chuyển đổi mô hình phân tích sang cơ sở dữ liệu quan hệ; phương pháp thiết kế giao diện hệ thống dùng cho quản lý dữ liệu đất đai. Phần bài tập gồm các bài thực hành phân tích hệ thống, xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu, thiết kế giao diện trong các tình huống quản lý dữ liệu thuộc chuyên ngành tài nguyên đất đai.

PHẦN 5: PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC - ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN

5.1.Đánh giá học phần

- Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần như: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án, ... và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần; đề thi và đáp án đề thi kết thúc học phần thực hiện theo hướng dẫn và quy định hiện hành của Trường.

- Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

5.2.Điểm học phần

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào hệ thống quản lý trực tuyến, hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Bảng 5.1: Hệ thống điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm số theo thang điểm 4	Điểm chữ	Pass/Fail
9.0 – 10.0	4.0	A	Đạt
8.0 – 8.9	3.5	B+	
7.0 – 7.9	3.0	B	
6.5 – 6.9	2.5	C+	
5.5 – 6.4	2.0	C	
5.0 – 5.4	1.5	D+	
4.0 – 4.9	1.0	D	
Nhỏ hơn 4.0	0,0	F	Không đạt

(Quyết định 2093/QĐ-ĐHCT, ngày 17/8/2020)

- Học phần chỉ được tính tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.

- Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 4 để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL.

5.3.Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung cả năm học và điểm trung bình chung tích lũy

a) Số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của các khóa học đã qua.

b) Điểm trung bình học kỳ (ĐTBCHK) là điểm trung bình có trọng số của điểm các môn học mà sinh viên đã học trong một học kỳ (bao gồm điểm F và học phần điều kiện trừ học phần Giáo dục thể chất), với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh cáo học tập sau mỗi học kỳ. ĐTBCHK được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i X_i}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó: X_i là điểm học phần thứ i ;

a_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là số học phần sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Điểm trung bình chung năm học là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong 2 học kỳ chính của năm học (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện trừ học phần Giáo dục thể chất)

- Điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL) là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần bị điểm F và học phần điều kiện). ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học tập, xếp hạng tốt nghiệp.

- Xếp loại học tập học kỳ căn cứ và ĐTBCHK; xếp loại học tập năm học căn cứ vào ĐTBCTL theo bảng 5.2.

Bảng 5.2: Xếp loại học tập

Xếp loại	ĐTBCHK/ĐTBCTL
Xuất sắc	3,60 – 4,00
Giỏi	3,20 – 3,59
Khá	2,50 – 3,19
Trung bình	2,00 – 2,49
Yếu	1,00 – 1,99
Kém	< 1,00

5.4. Điểm rèn luyện

Trường ĐHCT xem đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức tham gia học tập;
- Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

- Nhận thức và kết quả khi tham gia ban cán sự lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc người học đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện.

Xếp loại rèn luyện từng học kỳ của hai học kỳ chính theo thang điểm 100. Kết quả rèn luyện được xếp theo các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

Bảng 5.3: Xếp loại điểm rèn luyện

	Xếp loại
Từ 90 đến 100	Xuất sắc
Từ 80 to 89	Tốt
Từ 70 to 79	Khá
Từ 60 to 69	Trung bình
Từ 50 to 59	Yếu
Từ 30 to 49	Kém
Dưới 30	

Điểm rèn luyện được dùng để xếp thứ tự ưu tiên của sinh viên khi trao học bổng.

5.5.Xếp loại tốt nghiệp

Việc xếp loại tốt nghiệp được xác định dựa trên điểm trung bình tích lũy (ĐTBCTL) theo các mức trong Bảng 5.4.

Table 5.4: Xếp loại tốt nghiệp

Hạng tốt nghiệp	ĐTBCTL
Xuất sắc	3,60 – 4,00
Giỏi	3,20 – 3,59
Khá	2,50 – 3,19
Trung bình	2,00 – 2,49

Xếp loại tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc sẽ bị giảm một bậc nếu sinh viên thuộc một trong các loại sau:

- Khối lượng các môn học đạt điểm F vượt quá 5% tổng số đơn vị học trình của chương trình (không kể khối lượng các môn học cải thiện điểm F).

- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian đi học.

PHẦN 6: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP

6.1.Thư viện

Trung tâm Học liệu (TTHL) được xây dựng trên khu đất rộng 7.560 m² và là một trong những trung tâm học liệu lớn nhất cả nước. TTHL cung cấp nhiều loại sách, giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài được thay đổi và cập nhật thường xuyên. Có tổng cộng 139.289 tên sách và 306.117 bản sách. Có 1.397 đầu sách và 2.054 bản sách trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trung tâm cũng có hệ thống thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu điện tử (như ProQuest, Springerlink, Ebrary, Research4Life, v.v.) cung cấp tài liệu về hầu hết các lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu, cho phép người dùng truy cập từ cả bên trong và bên ngoài trường đại học, đáp ứng hiệu quả yêu cầu của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, TTHL có 400 máy vi tính, 3 phòng thảo luận, 1 phòng nghe nhìn và nhiều bàn tự học.

Khoa MT&TNTN hiện có một phòng thư viện với nhiều đầu sách tham khảo, tài liệu, luận văn đại học – thạc sĩ – tiến sĩ phục vụ việc học và nghiên cứu của học viên, nghiên cứu viên và cán bộ có yêu cầu. Thư viện có tổng số sách là: 1.007 nhãn 1.892 quyển tiếng Anh cả tiếng Việt, 176 luận văn và 57 giáo trình gồm 893 quyển. Cùng với nguồn của Trung tâm học liệu thì nguồn tài liệu đảm bảo bổ sung đủ các loại tài liệu, sách báo tham khảo cho các chương trình đào tạo.

6.2.Ký túc xá

a. Ký túc xá của Trường ĐHCT có tổng số 1.391 phòng có thể chứa 10.200 sinh viên. Các ký túc xá này nằm trên Cơ sở I và II của Trường ĐHCT tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đây là nơi ở và học tập thuận tiện cho sinh viên và du khách nước ngoài. Họ có sân chơi thể thao, khu vực ngoài trời xanh mát, căng tin ăn uống. Ký túc xá có lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp canh gác 24/24, 7 ngày trong tuần.

b. 6.3 Môi trường tự nhiên - xã hội

c. Trường ĐHCT có môi trường sống và giải trí lành mạnh, bao gồm nhà văn hóa, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, sân vận động, sân thể thao ngoài trời, công viên, nhà ăn, siêu thị mini, v.v.

d. Sinh viên có cơ hội học tập trong môi trường thiên nhiên hài hòa. Hầu hết các con đường trong khuôn viên đều được phủ xanh bởi nhiều cây xanh. Có nhiều vỉa hè và chỗ ngồi cho người đi bộ. Ngoài ra, còn có nhiều bãi cỏ rộng và thoáng để sinh viên tổ chức các hoạt động ngoài trời.

e. Môi trường xã hội cũng tạo tâm lý thoải mái cho học sinh. Nhìn chung, sinh viên đa số hiền lành, năng động, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc

sống hàng ngày. Nhiều giảng viên thân thiện giúp sinh viên không cảm thấy áp lực khi giao tiếp.

6.3.Chăm sóc sức khỏe

Về chăm sóc y tế, tất cả sinh viên năm nhất được kiểm tra sức khỏe tổng quát vào đầu năm học. Việc kiểm tra nhằm cung cấp thông tin về tình trạng sức khỏe của sinh viên và để tư vấn cho sinh viên chăm sóc bản thân để luôn trong tình trạng tốt nhất khi theo học tại trường. Ngoài ra, phòng công tác sinh viên cũng thường xuyên cung cấp thông tin về dịch bệnh và tư vấn phương pháp phòng tránh, tổ chức tư vấn miễn phí về sức khỏe cho sinh viên

6.4.Thể thao

Nhà thi đấu Thể dục thể thao Trường ĐHCT có quy mô 2 tầng, diện tích sàn 3.465 m², diện tích sử dụng 3.465 m²; diện tích sân chơi 1.000 m²; khán đài có sức chứa gần 1.000 chỗ ngồi. Sân vận động tổ chức các hoạt động có thể phù hợp cho bóng chuyền trong nhà, bóng chuyền hơi, bóng đá futsal, kéo co, chạy ngoài trời, bóng rổ, ném lao, cử tạ và các trò chơi đồng đội, v.v. cho các khóa học Thể dục và thể thao của sinh viên sau giờ làm việc .

Trường ĐHCT còn có Nhà thi đấu phục vụ các môn thể thao như cầu lông, bóng bàn, bóng đá, taekwondo, võ cổ truyền, sân bóng chuyền, bóng rổ ngoài trời,... Nhà thi đấu là cơ sở tập luyện không chỉ cho sinh viên cũng như cán bộ công nhân viên. cho các hoạt động thể thao nhưng cũng để giữ cho họ phù hợp.

6.5.Các hoạt động ngoại khóa

f.Đoàn thanh niên có vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên. Các hoạt động chính được tổ chức này đã và đang triển khai gồm: giao lưu văn hóa, ca nhạc, thể thao; các hoạt động xã hội; Hoạt động học tập; các hoạt động giao lưu quốc tế (trao đổi sinh viên với các trường đại học Thái Lan, Đài Loan, Hà Lan, Nhật Bản; chào đón và trao đổi với sinh viên Hàn Quốc). Đoàn Thanh niên cũng phối hợp tổ chức các hoạt động nhằm giao lưu với sinh viên các trường đại học khác của Việt Nam và trong Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

g. Ngoài ra, hội sinh viên các tỉnh thành trong và ngoài trường cũng có nhiều hoạt động ngoại khóa cho các bạn sinh viên tham dự. Chi đoàn luôn duy trì tốt công tác vận động sinh viên tình nguyện trong các hoạt động lao động, vệ sinh môi trường, cảnh quan, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, v.v.

6.6.Hệ thống mạng Internet

Hệ thống mạng Internet: Cũng đã được trang bị đầy đủ tại các phòng học, làm việc và máy tính. Wifi phủ sóng toàn Khoa và Trường để hỗ trợ sinh viên trong

quá trình học tập và truy cập thông tin hỗ trợ học tập và sinh hoạt tiện lợi, nhanh và hiệu quả.

PHẦN 7: KHẢ NĂNG HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

7.1.Cơ hội nghề nghiệp

- Có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện, cấp xã về lĩnh vực quản lý đất đai như: Bộ Tài nguyên - Môi trường, Sở Tài nguyên - Môi trường các tỉnh, Các Trung tâm kỹ thuật tài nguyên, Trung tâm phát triển quỹ đất, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng đăng ký, trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện, Cán bộ Địa chính xã/phường.

- Chuyên viên cho các UBND cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện; các viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu Địa chính, Viện Tài nguyên - Môi trường, Viện Quy hoạch - Thiết kế, Cục đo đạc bản đồ, Cục Quản lý đất đai, Chi cục Quản lý đất đai các tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các chi cục, trung tâm hoặc văn phòng như: Chi cục quản lý đất đai, Chi cục môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường; Trung tâm khai thác và kinh doanh bất động sản; các Khu Công nghiệp; Khu Kinh tế.

- Làm tư vấn cho các công ty như: Công ty đo đạc, Công ty môi giới và định giá bất động sản; các dự án liên quan đến đất đai và bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá...).

- Làm giảng viên, giáo viên hay nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý đất đai, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo có các ngành nghề về nông nghiệp, hiệp hội, trung tâm dạy nghề.

7.2.Cơ hội học tập tiếp tục

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ sau đại học: thạc sĩ, tiến sĩ ngành Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên, Khoa học đất, Phát triển nông thôn, Quản lý thị trường bất động sản và các ngành gần khác.

- Có khả năng tự học nâng cao trình độ để đảm nhận tốt những nhiệm vụ về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên

Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, p. Xuân Khánh, q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Số điện thoại: (0292) 3831068

Website: <https://cenres.ctu.edu.vn/>

Email: kmtntn@ctu.edu.vn



Tập thể Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên



Tập thể Bộ môn Tài nguyên Đất đai